

Số: 230/2017/QĐST-HNGĐ

Kim Thành, ngày 27 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 280/2017/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Lệ T, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, Xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Quê quán, trú quán: Thôn M, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Trung H, sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn V, Xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Lệ T và anh Phạm Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Vợ chồng chị T và anh H có một con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 11/9/2013.

Chị T và anh H thoả thuận giao cháu N cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 2.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 01/2018 đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung:* Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị T tự nguyện chịu cả án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2016/0000675 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành.

Trả lại chị T 150.000đồng tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000675 ngày 08/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành.

Anh H phải chịu 150.000đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Kim Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Kim Thành;*
- *UBND xã N*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trung